

Số: /QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận kết quả thi năng khiếu Âm nhạc tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đợt 1 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 116/NQ-HĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 231/QĐ-ĐHSP ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm ban hành Đề án tổ chức thi năng khiếu Âm nhạc năm 2026 của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1118/QĐ-ĐHSP ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học năm 2026 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 919/KH-ĐHSP ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kế hoạch thi năng khiếu Âm nhạc tuyển sinh ngành Sư phạm Âm nhạc năm 2026 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-ĐHSP ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc thành lập Hội đồng thi và Ban thư ký kỳ thi năng khiếu tuyển sinh ngành Sư phạm Âm nhạc, Giáo dục Thể chất, Huấn luyện Thể thao năm 2026;

Căn cứ Kết quả thi năng khiếu Âm nhạc của Hội đồng tổ chức thi năng khiếu tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, đợt 1 ngày 16 tháng 5 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi năng khiếu Âm nhạc của Hội đồng tổ chức thi năng khiếu cho 86 thí sinh, đợt 1 ngày 16 tháng 5 năm 2026 tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (*có bảng kết quả thi môn năng khiếu Âm nhạc kèm theo*).

Điều 2. Kết quả thi năng khiếu Âm nhạc, đợt 1 ngày 16 tháng 5 năm 2026 là căn cứ để Hội đồng tuyển sinh cập nhật điểm của thí sinh xét tuyển ngành Sư phạm Âm nhạc vào cơ sở dữ liệu Công thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện công tác xét tuyển đại học chính quy năm 2026.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trưởng đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c);
- Đại học Thái Nguyên (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để ph/h ch/d);
- Như Điều 3 (để th/h);
- Công thông tin điện tử của Trường;
- Lưu: VT, ĐT (01).

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Mai Xuân Trường

KẾT QUẢ THI MÔN NĂNG KHIẾU ÂM NHẠC ĐỢT 1 NGÀY 16/5/2026
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	Môn Năng khiếu Âm nhạc 1 (Nội dung Hát)		Môn Năng khiếu Âm nhạc 2 (Nội dung Đọc nhạc và Lý thuyết âm nhạc)	
						Điểm	Điểm bằng chữ	Điểm	Điểm bằng chữ
1	DTSAN001	Vũ Phương An	03.11.2008	Nữ	035*****0028	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	9,00	Chín chẵn
2	DTSAN002	Dương Hải Anh	19.11.2008	Nữ	001*****6943	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba
3	DTSAN003	Hà Hoài Anh	29.08.2007	Nữ	006*****2822	9,00	Chín chẵn	9,38	Chín phẩy ba mươi tám
4	DTSAN004	Lê Hoàng Anh	25.06.2007	Nữ	010*****0830	9,13	Chín phẩy mười ba	8,50	Tám phẩy năm
5	DTSAN006	Nguyễn Hải Anh	26.03.2008	Nữ	020*****6464	9,50	Chín phẩy năm	9,50	Chín phẩy năm
6	DTSAN007	Nguyễn Mai Anh	26.02.2008	Nữ	026*****4849	8,00	Tám chẵn	9,13	Chín phẩy mười ba
7	DTSAN008	Nguyễn Quỳnh Anh	18.11.2008	Nữ	026*****0730	9,50	Chín phẩy năm	9,50	Chín phẩy năm
8	DTSAN009	Trần Quỳnh Anh	17.10.2007	Nữ	027*****2610	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	6,25	Sáu phẩy hai mươi lăm
9	DTSAN011	Đàm Thị Hồng Ánh	06.04.2006	Nữ	004*****5135	8,00	Tám chẵn	6,00	Sáu chẵn
10	DTSAN012	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	08.11.2008	Nữ	040*****2879	8,00	Tám chẵn	8,00	Tám chẵn
11	DTSAN076	Nông Thanh Bảo	03.06.2008	Nam	015*****6352	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	7,00	Bảy chẵn
12	DTSAN013	Lèng Thị Cúc	05.04.2008	Nữ	011*****3484	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	6,00	Sáu chẵn
13	DTSAN014	Lâu A Cử	01.01.2008	Nam	012*****4186	8,50	Tám phẩy năm	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm
14	DTSAN016	Nguyễn Thị Minh Châu	17.11.2008	Nữ	001*****3598	8,50	Tám phẩy năm	9,13	Chín phẩy mười ba
15	DTSAN020	Đào Mỹ Duyên	12.09.2007	Nữ	019*****6458	8,00	Tám chẵn	8,00	Tám chẵn
16	DTSAN021	Ma Thuỳ Dương	22.11.2008	Nữ	019*****8327	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm
17	DTSAN022	Nguyễn Thị Mai Dương	04.01.2008	Nữ	019*****1197	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	9,00	Chín chẵn
18	DTSAN024	Nguyễn Thùy Dương	18.09.2008	Nữ	001*****4152	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	9,00	Chín chẵn
19	DTSAN023	Nguyễn Thùy Dương	20.04.2008	Nữ	033*****0451	9,63	Chín phẩy sáu mươi ba	9,00	Chín chẵn

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	Môn Năng khiếu Âm nhạc 1 (Nội dung Hát)		Môn Năng khiếu Âm nhạc 2 (Nội dung Đọc nhạc và Lý thuyết âm nhạc)	
							Điểm	Điểm bằng chữ	Điểm	Điểm bằng chữ
20	DTSAN025	Nguyễn Thùy	Dương	20.07.2008	Nữ	024*****4632	9,63	Chín phẩy sáu mươi ba	9,50	Chín phẩy năm
21	DTSAN077	Đình Tâm	Đan	07.03.2008	Nữ	017*****8068	9,38	Chín phẩy ba mươi tám	8,00	Tám chẵn
22	DTSAN026	Bùi Anh	Đức	27.01.2008	Nam	017*****7511	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	7,50	Bảy phẩy năm
23	DTSAN028	Phan Thị	Hằng	11.05.2007	Nữ	040*****0890	7,00	Bảy chẵn	5,25	Năm phẩy hai mươi lăm
24	DTSAN031	Nguyễn Thuý	Hoài	15.05.2007	Nữ	004*****0432	7,63	Bảy phẩy sáu mươi ba	7,00	Bảy chẵn
25	DTSAN033	Nông Việt	Hoàng	22.10.2008	Nam	024*****1071	9,38	Chín phẩy ba mươi tám	6,50	Sáu phẩy năm
26	DTSAN035	Nguyễn Thu	Huyền	25.10.2008	Nữ	001*****8918	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	9,00	Chín chẵn
27	DTSAN036	Trần Thu	Huyền	05.06.2008	Nữ	010*****6501	8,50	Tám phẩy năm	7,00	Bảy chẵn
28	DTSAN037	Dương Chí	Kiên	11.12.2008	Nam	001*****0414	9,00	Chín chẵn	7,75	Bảy phẩy bảy mươi lăm
29	DTSAN038	Nguyễn Văn	Kim	27.01.2008	Nam	019*****1528	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm
30	DTSAN039	Lăng Anh	Khôi	23.04.2008	Nam	020*****6537	9,75	Chín phẩy bảy mươi lăm	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm
31	DTSAN040	Nguyễn Phương	Lan	30.08.2008	Nữ	027*****4622	7,38	Bảy phẩy ba mươi tám	8,00	Tám chẵn
32	DTSAN041	Nguyễn Thị	Lan	14.08.2007	Nữ	034*****3916	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm
33	DTSAN043	Vũ Ngọc	Lan	27.11.2008	Nữ	022*****7387	8,50	Tám phẩy năm	9,13	Chín phẩy mười ba
34	DTSAN044	Vũ Thị Thanh	Lan	24.02.2008	Nữ	037*****9606	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm	9,50	Chín phẩy năm
35	DTSAN045	Hoàng Thị Mỹ	Lệ	24.09.2007	Nữ	004*****2376	8,00	Tám chẵn	7,00	Bảy chẵn
36	DTSAN046	Pờ Nhật	Lệ	20.11.2007	Nữ	012*****5118	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	7,00	Bảy chẵn
37	DTSAN048	Ngô Khánh	Linh	27.01.2008	Nữ	027*****4006	9,50	Chín phẩy năm	6,50	Sáu phẩy năm
38	DTSAN049	Nguyễn Hà	Linh	02.12.2008	Nữ	019*****3954	9,00	Chín chẵn	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba
39	DTSAN050	Nguyễn Hoàng	Linh	20.06.2008	Nữ	024*****3528	8,00	Tám chẵn	6,50	Sáu phẩy năm
40	DTSAN051	Vũ Hà	Linh	21.07.2008	Nữ	019*****2014	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm
41	DTSAN052	Vũ Nhật	Linh	04.12.2003	Nữ	019*****4487	9,75	Chín phẩy bảy mươi lăm	9,00	Chín chẵn
42	DTSAN055	Đình Khánh	Ly	03.11.2008	Nữ	037*****8071	9,50	Chín phẩy năm	9,50	Chín phẩy năm
43	DTSAN056	Lương Hoàng	Ly	26.04.2008	Nữ	010*****0312	8,50	Tám phẩy năm	8,50	Tám phẩy năm

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	Môn Năng khiếu Âm nhạc 1 (Nội dung Hát)		Môn Năng khiếu Âm nhạc 2 (Nội dung Đọc nhạc và Lý thuyết âm nhạc)	
							Điểm	Điểm bằng chữ	Điểm	Điểm bằng chữ
44	DTSAN057	Đoàn Quang	Minh	09.01.2008	Nam	019*****6156	9,75	Chín phẩy bảy mươi lăm	9,75	Chín phẩy bảy mươi lăm
45	DTSAN058	Lý Minh	Minh	23.12.2008	Nữ	014*****0725	8,50	Tám phẩy năm	7,63	Bảy phẩy sáu mươi ba
46	DTSAN059	Đàm Hà	My	18.03.2008	Nữ	024*****2570	8,50	Tám phẩy năm	8,00	Tám chẵn
47	DTSAN060	Đặng Ngọc Kiều	My	11.02.2008	Nữ	008*****1757	8,00	Tám chẵn	7,75	Bảy phẩy bảy mươi lăm
48	DTSAN061	Lý Thị Hà	My	17.02.2008	Nữ	024*****2427	8,38	Tám phẩy ba mươi tám	9,00	Chín chẵn
49	DTSAN063	Nguyễn Lê Thảo	My	28.08.2008	Nữ	001*****4748	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	8,13	Tám phẩy mười ba
50	DTSAN064	Hoàng Hải	Nam	19.01.2008	Nam	026*****8021	9,50	Chín phẩy năm	9,50	Chín phẩy năm
51	DTSAN065	Vàng Thị	Nàn	15.07.2006	Nữ	012*****6425	8,88	Tám phẩy tám mươi tám	9,00	Chín chẵn
52	DTSAN066	Nùng Thị	Nga	01.12.2008	Nữ	002*****2699	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm
53	DTSAN067	Đặng Xuân	Nghĩa	08.08.2008	Nam	040*****2306	9,00	Chín chẵn	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm
54	DTSAN068	Hoàng Minh	Ngọc	12.05.2008	Nam	020*****5285	8,50	Tám phẩy năm	7,00	Bảy chẵn
55	DTSAN070	Nguyễn Vũ Bảo	Ngọc	06.03.2008	Nữ	025*****7772	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm	8,50	Tám phẩy năm
56	DTSAN110	Hoàng Thị Ánh	Nhi	03.08.2008	Nữ	004*****4395	8,00	Tám chẵn	6,00	Sáu chẵn
57	DTSAN071	Lương Vân	Nhi	13.12.2008	Nữ	033*****4310	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	9,38	Chín phẩy ba mươi tám
58	DTSAN072	Thân Yên	Nhi	12.06.2008	Nữ	024*****3588	8,13	Tám phẩy mười ba	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm
59	DTSAN073	Nông Thị Hồng	Nhiên	03.12.2008	Nữ	004*****5700	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm	7,00	Bảy chẵn
60	DTSAN074	Hoàng Thị Quỳnh	Như	19.06.2008	Nữ	010*****9743	8,50	Tám phẩy năm	8,50	Tám phẩy năm
61	DTSAN079	Nguyễn Trọng	Phúc	10.03.2008	Nam	033*****2853	9,00	Chín chẵn	8,00	Tám chẵn
62	DTSAN080	Phạm Vũ Bảo	Phương	26.02.2008	Nữ	006*****1130	9,13	Chín phẩy mười ba	9,50	Chín phẩy năm
63	DTSAN081	Phạm Vũ Hà	Phương	22.07.2008	Nữ	030*****1668	9,00	Chín chẵn	7,50	Bảy phẩy năm
64	DTSAN083	Thào Thị	Sú	06.12.2007	Nữ	010*****0884	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm	8,50	Tám phẩy năm
65	DTSAN084	Nguyễn Ngọc	Tài	25.10.2008	Nam	027*****9767	8,50	Tám phẩy năm	9,00	Chín chẵn
66	DTSAN085	Nguyễn Duyên	Tùng	24.04.2007	Nam	019*****7181	8,13	Tám phẩy mười ba	7,50	Bảy phẩy năm
67	DTSAN088	Ngô Thanh	Thảo	21.01.2008	Nữ	001*****4762	8,50	Tám phẩy năm	8,50	Tám phẩy năm

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD	Môn Năng khiếu Âm nhạc 1 (Nội dung Hát)		Môn Năng khiếu Âm nhạc 2 (Nội dung Đọc nhạc và Lý thuyết âm nhạc)	
							Điểm	Điểm bằng chữ	Điểm	Điểm bằng chữ
68	DTSAN089	Trần Phương	Thảo	11.08.2008	Nữ	035*****6301	7,25	Bảy phẩy hai mươi lăm	8,50	Tám phẩy năm
69	DTSAN090	Vi Thị Phương	Thảo	04.03.2008	Nữ	002*****9983	8,50	Tám phẩy năm	9,00	Chín chẵn
70	DTSAN091	Hà Nhật	Thiên	05.05.1997	Nam	020*****6505	9,63	Chín phẩy sáu mươi ba	9,50	Chín phẩy năm
71	DTSAN092	Hoàng Thị Minh	Thuận	05.09.2002	Nữ	002*****0974	8,00	Tám chẵn	6,50	Sáu phẩy năm
72	DTSAN093	Phan Diệu	Thúy	08.03.2007	Nữ	002*****6359	8,50	Tám phẩy năm	9,00	Chín chẵn
73	DTSAN094	Lý Thị Anh	Thư	16.04.2008	Nữ	019*****0800	8,38	Tám phẩy ba mươi tám	9,50	Chín phẩy năm
74	DTSAN095	Phạm Anh	Thư	28.11.2007	Nữ	030*****2080	9,00	Chín chẵn	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm
75	DTSAN096	Trần Lê Anh	Thư	13.11.2008	Nữ	011*****5994	8,88	Tám phẩy tám mươi tám	8,50	Tám phẩy năm
76	DTSAN097	Hứa Bảo	Thy	01.03.2008	Nữ	006*****1667	9,00	Chín chẵn	9,00	Chín chẵn
77	DTSAN099	Lương Thị Minh	Trang	14.09.2008	Nữ	019*****0411	8,38	Tám phẩy ba mươi tám	8,00	Tám chẵn
78	DTSAN100	Lương Thị Quỳnh	Trang	16.12.2008	Nữ	004*****3485	8,38	Tám phẩy ba mươi tám	7,00	Bảy chẵn
79	DTSAN102	Phạm Thuỳ	Trang	17.08.2008	Nữ	019*****1094	7,50	Bảy phẩy năm	6,00	Sáu chẵn
80	DTSAN104	Nguyễn Hoàng	Trường	12.05.2008	Nam	006*****2640	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	9,50	Chín phẩy năm
81	DTSAN105	Đặng Thanh	Vân	05.02.2008	Nữ	031*****8081	8,88	Tám phẩy tám mươi tám	7,00	Bảy chẵn
82	DTSAN106	Nguyễn Vương Tường	Vi	05.08.2008	Nữ	015*****7396	8,88	Tám phẩy tám mươi tám	8,38	Tám phẩy ba mươi tám
83	DTSAN107	Cầm Lương Trung	Việt	28.11.2008	Nữ	014*****0399	9,13	Chín phẩy mười ba	8,00	Tám chẵn
84	DTSAN075	Thào Thế	Vinh	28.08.2008	Nam	010*****8389	8,00	Tám chẵn	7,25	Bảy phẩy hai mươi lăm
85	DTSAN108	Đỗ Thị Hải	Yến	05.10.2008	Nữ	001*****1021	8,25	Tám phẩy hai mươi lăm	8,50	Tám phẩy năm
86	DTSAN109	Lâm Hải	Yến	04.02.2007	Nữ	008*****7302	9,00	Chín chẵn	8,50	Tám phẩy năm

Ấn định danh sách có: 86 thí sinh./.